

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO HỌC SINH Ở CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

HỒ VĂN HOANG^{1,*}, NGUYỄN BÁ PHU^{2,**}

¹Trường Tiểu học Hương Lâm, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế

¹Học viên Cao học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

²Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

*Email: arthoangk1@gmail.com

**Email: nguyenvbaphu@dhsphue.edu.vn

Tóm tắt: Bài viết này trình bày thực trạng giáo dục môi trường (GDMT) thông qua hoạt động trải nghiệm (HĐT) cho học sinh (HS) các trường Tiểu học huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Kết quả nghiên cứu cho thấy, GDMT thông qua HĐTN đã đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế, bất cập như: nội dung chưa sát với thực tiễn GDMT tại địa phương; phương thức GDMT thông qua HĐTN chưa đem lại hiệu quả; chưa xây dựng được tiêu chí kiểm tra, đánh giá; việc phân bổ các nguồn lực cho GDMT thông qua HĐTN còn hạn chế.

Từ khoá: Giáo dục môi trường, hoạt động trải nghiệm, học sinh, trường tiểu học.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

GDMT vì mục tiêu phát triển bền vững là một trong những nhiệm vụ giáo dục quan trọng được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm. Luật Bảo vệ môi trường (BVMT) ra đời từ năm 1993, được Quốc hội sửa đổi, bổ sung ngày 29/11/2005 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2006 đã coi GDMT là một trong những nhiệm vụ hàng đầu. Điều 5 của Luật nêu rõ: Nhà nước “Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để mọi tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân tham gia hoạt động BVMT; đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, vận động, kết hợp áp dụng các biện pháp hành chính, kinh tế và các biện pháp khác để xây dựng ý thức tự giác, kỷ cương trong hoạt động BVMT” [3]. Bộ GD&ĐT cũng đã ban hành Chỉ thị số 02/2005/CT-BGDĐT ngày 31/1/2005 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc tăng cường công tác giáo dục BVMT. Nội dung Chỉ thị có nêu: “Đối với giáo dục phổ thông: Trang bị cho học sinh (HS) kiến thức, kỹ năng về môi trường và BVMT bằng những hình thức phù hợp trong các môn học” [1]. Chỉ thị 29-CT/TW ngày 21/1/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng cũng là về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 41-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) về “BVMT trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” [2]. Các văn bản này là cơ sở, điều kiện pháp lý quan trọng cho việc tổ chức triển khai các hoạt động GDMT trong các trường phổ thông.

GDMT cho HS tiểu học có vai trò đặc biệt quan trọng. Bởi giáo dục tiểu học là cấp học nền móng, là cấp học cơ sở và phổ cập trong hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam. Khi tất cả HS ở cấp học được giáo dục, được trang bị đầy đủ kiến thức, thái độ, hành vi và thói quen hành vi phù hợp trong ứng xử với môi trường sẽ là một lực lượng hùng hậu trong tương lai trên mọi hành động tuyên truyền, cải thiện, BVMT và tài nguyên thiên nhiên của đất nước. Hơn nữa, HS tiểu học là lứa tuổi đang phát triển và định hình dần về nhân cách, vì vậy, việc hình thành những hiểu biết,

những vốn kiến thức cần thiết về BVMT sẽ dễ dàng để lại dấu ấn sâu sắc, khó phai trong cuộc sống sau này của trẻ. Trẻ ở độ tuổi này thường hiếu động, nếu không được giáo dục sẽ rất dễ dẫn tới những hành động huỷ hoại môi trường một cách vô ý thức hoặc có ý thức.

Trong giáo dục tiểu học, hoạt động trải nghiệm (HĐTN) tạo nhiều cơ hội để HS được tiếp xúc trực tiếp với môi trường xung quanh, được trải nghiệm thực tế bằng các giác quan khác nhau, giúp phát huy cao độ vai trò chủ thể tích cực, độc lập, chủ động, sáng tạo của HS, rèn luyện các nét tính cách tích cực cho bản thân HS. Giáo viên (GV) là người đóng vai trò thiết kế, tổ chức, hướng dẫn các hoạt động độc lập hoặc theo nhóm để HS trải nghiệm và tự lực chiếm lĩnh nội dung tri thức, chủ động đạt các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, thái độ theo chương trình. Học tập dựa vào trải nghiệm, các hoạt động tập trung vào người học và kinh nghiệm thực tế của người học, mang lại cho người học cơ hội bộc lộ các điểm mạnh, các kỹ năng của mình. Nói cách khác, học tập dựa vào trải nghiệm nhấn mạnh vào kinh nghiệm chủ quan của người học, nó yêu cầu việc trải nghiệm thực tế và phản ánh kinh nghiệm của người học. Đối với GDMT, đây là một định hướng giáo dục quan trọng - giáo dục trong môi trường.

Trong thực tiễn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, HĐTN đã được định hình thông qua các hoạt động như: hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động tập thể, dạy học gắn liền với di sản, di tích lịch sử cách mạng, dạy học gắn liền với sản xuất kinh doanh ở địa phương... Tuy nhiên trên thực tế, ở các trường Tiểu học thuộc huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, phần lớn các giờ hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp đã được thực hiện nhưng chưa đi sâu vào giáo dục HS về BVMT, hình thức giáo dục không đa dạng và phong phú, ít quan tâm tới việc hình thành phẩm chất và năng lực đối với HS. Ngoài ra, việc kiểm tra đánh giá kết quả các hoạt động trên không được tiến hành thường xuyên, không phục vụ để đánh giá năng lực và phẩm chất người học, điều đó không còn phù hợp với việc dạy học và giáo dục theo định hướng phát triển năng lực HS hiện nay. Xuất phát từ những lý do trên, việc nghiên cứu thực trạng để làm cơ sở đề xuất các biện pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động GDMT cho HS ở các trường Tiểu học huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế là cần thiết.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu khảo sát tại 9 trường trong tổng số 22 trường Tiểu học trên địa bàn huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, bao gồm: Trường Tiểu học Phong Xuân; Trường Tiểu học Đông Nam Sơn; Trường Tiểu học Tây Bắc Sơn; Trường Tiểu học Hương Lâm; Trường Tiểu học Hoà Mỹ; Trường Tiểu học Tân Mỹ; Trường Tiểu học Điền An; Trường Tiểu học Điền Hương và Trường Tiểu học Phong Chương. Khách thể nghiên cứu bao gồm : 16 CBQL, 9 TPT Đội và 154 GV.

Để đánh giá thực trạng tổ chức GDMT thông qua HĐTN cho HS ở các trường Tiểu học huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế một cách toàn cảnh, nghiên cứu sử dụng phối hợp nhiều phương pháp, trong đó phương pháp khảo sát chủ đạo là điều tra thông qua bảng hỏi, phương pháp bổ trợ là quan sát và phỏng vấn sâu. Câu hỏi điều tra được thiết kế gồm 4 mức độ: từ không thực hiện/không tốt đến thường xuyên thực hiện/tốt, tương ứng với điểm số từ 1 đến 4. Điểm càng cao mức độ thực hiện càng nhiều và ngược lại.

Kết quả khảo sát được phân tích bằng phần mềm IBM SPSS Statistics 20. Chỉ số Cronbach alpha của các câu hỏi trong thang đo dao động từ 0.822 đến 0.891. Điều này cho thấy bộ công cụ sử dụng trong nghiên cứu của chúng tôi có độ tin cậy, đảm bảo sự chính xác cho các kết quả thu được.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng nhận thức về vai trò của giáo dục môi trường thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường Tiểu học

GDMT cho HS tiểu học là một trong những nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường nhằm giúp trang bị cho các em những kiến thức cơ bản về môi trường; hình thành ý thức, kĩ năng, thái độ đúng đắn đối với môi trường; góp phần xây dựng và BVMT; cải thiện chất lượng cuộc sống. Phần lớn CBQL, GV đã nhận thức được vai trò của GDMT cho HS tiểu học. Điều này được thể hiện qua kết quả khảo sát thống kê ở bảng số liệu 1 với ĐTB các tiêu chí khảo sát được CBQL, GV đánh giá dao động từ 3.31 đến 3.42.

Bảng 1. Thực trạng nhận thức của CBQL, GV về vai trò của GDMT thông qua HĐTN cho HS

TT	Vai trò của GDMT thông qua HĐTN	Mức độ đánh giá		
		ĐTB	ĐLC	TB
1	Thông qua HĐTN giáo dục HS có kiến thức nhất định về môi trường	3.40	0.51	2
2	Thông qua HĐTN bồi dưỡng cho HS có thái độ tích cực đối với vấn đề BVMT	3.35	0.60	4
3	Thông qua HĐTN xây dựng những hành vi đúng đắn ở HS đối với môi trường và BVMT	3.42	0.45	1
4	Thông qua HĐTN làm cho HS có thói quen quan tâm đến những vấn đề về môi trường và BVMT	3.38	0.54	3
5	Thông qua HĐTN hình thành một số kỹ năng BVMT cho HS	3.31	0.62	5

Chú thích: ĐTB: Điểm trung bình, $1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$; ĐLC: Độ lệch chuẩn; TB: Thứ bậc

“Thông qua HĐTN xây dựng những hành vi đúng đắn ở HS đối với môi trường và BVMT” là tiêu chí được sự đồng thuận cao nhất của CBQL, GV tham gia khảo sát (ĐTB = 3.42, xếp thứ bậc 1). Tính ưu việt của GDMT thông qua HĐTN là giúp HS được luyện tập và xây dựng cơ sở, rèn luyện khả năng tư duy và đưa ra quyết định hành vi đúng đắn của bản thân. Hành động được xuất phát từ suy nghĩ và trải nghiệm cá nhân, đưa ra các ý kiến, hành vi phù hợp với điều kiện môi trường sống. Tiếp đến là “Thông qua HĐTN giáo dục HS có kiến thức nhất định về môi trường” (ĐTB = 3.40, xếp thứ bậc 2). Thông qua HĐTN, hướng đến thay đổi nhận thức của HS về môi trường, HS được tiếp xúc và mở rộng tri thức liên quan đến nhiều môi trường khác nhau. Bên cạnh đó, HĐTN còn tạo điều kiện để HS tiếp xúc trực tiếp với môi trường, từ đó khơi gợi sự tò mò, và biết cách quan tâm đến những thay đổi kì diệu của môi trường xung quanh.

Các tiêu chí còn lại cũng nhận được sự đánh giá cao về tầm quan trọng của GDMT trong nhà trường Tiểu học, gồm: “Thông qua HĐTN làm cho HS có thói quen quan tâm đến những vấn đề về môi trường và BVMT” (ĐTB = 3.38, xếp thứ bậc 3); “Thông qua HĐTN bồi dưỡng cho HS có thái độ tích cực đối với vấn đề BVMT” (ĐTB = 3.35, xếp thứ bậc 4) và “Thông qua HĐTN hình thành một số kỹ năng BVMT cho HS” (ĐTB = 3.31, xếp thứ bậc 5).

Qua phỏng vấn với CBQL, GV các nhà trường, 100% đối tượng được phỏng vấn đều cho rằng việc GDMT cho HS tiểu học là rất quan trọng, theo họ “đây là cấp học nên tăng, nếu hành vi được hình thành và rèn luyện ngay từ những ngày còn nhỏ sẽ trở nên bền vững hơn khi người đó trưởng thành”.

Như vậy, CBQL, GV đã nhận thức được vai trò của hoạt động GDMT thông qua HĐTN cho HS ở trường Tiểu học. Yêu tố nhận thức của CBQL và GV - những chủ thể tổ chức hoạt động giáo

được xem là cơ sở quan trọng của việc tiến hành tổ chức hoạt động GDMT thông qua HĐTN cho HS ở trường Tiểu học trong thực tiễn.

3.2. Thực trạng nội dung giáo dục môi trường thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường Tiểu học

Bảng 2. Đánh giá thực trạng nội dung GDMT thông qua HĐTN cho HS

TT	Nội dung GDMT thông qua hoạt động trải nghiệm	Mức độ đánh giá		
		ĐTB	ĐLC	TB
1	Cung cấp cho HS những kiến thức sơ đẳng về môi trường, về sử dụng các tài nguyên hiệu quả và các biện pháp BVMT	2.57	0.61	1
2	Giáo dục cho HS tình cảm đối với thiên nhiên; có thái độ đúng đắn và có trách nhiệm đối với MT	2.45	0.55	2
3	Rèn luyện cho HS những kỹ năng cần thiết trong việc quan sát, đánh giá và ứng xử trước các vấn đề MT	2.36	0.61	4
4	Hình thành cho HS một số hành vi BVMT như có thói quen vứt rác đúng chỗ; sử dụng tiết kiệm nước và các nguồn năng lượng...	2.39	0.52	3
5	Mối quan hệ giữa con người và môi trường, tác động của MT và tài nguyên đến sinh vật và con người	2.28	0.44	6
6	Các vấn đề về ô nhiễm môi trường, nguyên nhân, tác hại và các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm MT	2.31	0.45	5

Chú thích: ĐTB: Điểm trung bình, $1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$; ĐLC: Độ lệch chuẩn; TB: Thứ bậc

Chương trình GDMT thông qua HĐTN bao gồm nhiều nội dung khác nhau, tùy thuộc vào từng đối tượng, từng lứa tuổi mà nội dung GDMT cũng được xây dựng cho phù hợp. Việc xác định các nội dung GDMT thông qua HĐTN cho HS cần căn cứ vào mục tiêu GDMT; đặc điểm tâm, sinh lý và trình độ nhận thức của từng lứa tuổi HS. Xác định đúng nội dung GDMT thông qua HĐTN là cơ sở quan trọng để GV có thể lựa chọn và sử dụng một cách hợp lý các phương thức tổ chức GDMT, làm cho quá trình GDMT thông qua HĐTN đạt hiệu quả. Để tìm hiểu thực trạng nội dung GDMT thông qua HĐTN cho HS ở các trường Tiểu học huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, tác giả tiến hành khảo sát CBQL, GV về nội dung này, kết quả thu được biểu thị qua bảng số liệu 2.

Dựa vào kết quả từ bảng 2 cho thấy, các tiêu chí khảo sát có ĐTB từ 2.28 đến 2.57, ứng với mức độ “ít thực hiện” đến “thỉnh thoảng thực hiện”. “Cung cấp cho HS những kiến thức sơ đẳng về môi trường, về sử dụng các tài nguyên hiệu quả và các biện pháp BVMT” là tiêu chí được CBQL, GV đánh giá với ĐTB cao nhất (ĐTB = 2.57, xếp thứ bậc 1). “Giáo dục cho HS tình cảm đối với thiên nhiên; có thái độ đúng đắn và có trách nhiệm đối với MT” (ĐTB = 2.45, xếp thứ bậc 2). Các nội dung tiếp theo lần lượt theo thứ bậc là: “Hình thành cho HS một số hành vi BVMT như có thói quen vứt rác đúng chỗ; sử dụng tiết kiệm nước và các nguồn năng lượng...”, “Các vấn đề về ô nhiễm môi trường, nguyên nhân, tác hại và các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm MT”.

Qua phỏng vấn HS, kết quả cho thấy sự tương đồng với số liệu từ phương pháp điều tra. Khi hỏi các nội dung GDMT nào các con được học, các nhóm HS nêu được tên các nội dung, các chủ đề hoặc các hoạt động do trường tổ chức. Phần lớn các em chưa phân biệt được đâu là nội dung kiến thức, đâu là thái độ, đâu là kỹ năng. Các nội dung về môi trường được HS trả lời phần lớn giống nhau, bao gồm các nội dung sau: vệ sinh trường lớp, bảo vệ cây xanh, tiết kiệm điện, nước; bảo vệ nguồn nước xanh, trồng cây; sử dụng và làm sản phẩm tái chế.

Bảng 2 cũng cho thấy, nội dung ít được thực hiện ít nhất là “Mối quan hệ giữa con người và môi trường, tác động của MT và tài nguyên đến sinh vật và con người” (ĐTB = 2.28, xếp thứ bậc 6). Nguyên nhân dẫn của thực trạng này có thể được thầy L.V.H, CBQL trường Tiểu học Điền Hương lý giải: “*Đặc điểm tâm lý và nhận thức của HS tiểu học còn hạn chế, chỉ dừng lại ở mức nắm bắt kiến thức cơ bản, khoảng thời gian tập trung của HS thấp,...* Vậy nên, ở mức độ HS tiểu học chỉ dừng lại ở việc cung cấp cho HS kiến thức cơ bản nhất liên quan đến môi trường. Bên cạnh đó, để thực hiện chính chu, tạo điều kiện tốt nhất để HS hiểu và nắm bắt được tất cả vấn đề cơ sở xây dựng nên mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên, thiên nhiên và sinh vật cần có sự chuẩn bị mất nhiều thời gian, công sức và môi trường trải nghiệm... trong khi đó điều kiện nhà trường và môi trường an toàn để HS trải nghiệm chưa đảm bảo”.

Tóm lại, các trường Tiểu học huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế đã có sự quan tâm đến việc thực hiện các nội dung GDMT thông qua HĐTN cho HS nhưng chưa được thường xuyên và đồng đều. Những nội dung đó vẫn chưa đáp ứng được đầy đủ mục tiêu GDMT thông qua HĐTN cho HS ở trường Tiểu học. Thiết nghĩ rằng, để tổ chức tốt việc GDMT thông qua HĐTN cho HS, nhà trường không chỉ chú trọng vào một vài nội dung hoạt động riêng lẻ mà cần phải biết kết hợp các nội dung khác nhau. Nếu như các nội dung này được mở rộng kết hợp với các hình thức hoạt động phong phú hơn, chắc chắn sẽ có tác động tích cực đến nhận thức, thái độ và hành vi của HS trong việc BVMT.

3.3. Thực trạng các phương thức giáo dục môi trường thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường Tiểu học

Nội dung thực hiện đạt hiệu quả cao hay thấp phụ thuộc phần lớn vào việc GV lựa chọn phương thức HĐTN để tổ chức GDMT cho HS. Phương thức GDMT thông qua HĐTN có phạm vi tương đối rộng, nó có thể là hoạt động dưới cờ, trong giờ sinh hoạt lớp, trong giờ chơi, sinh hoạt bán trú, HĐTN ngoài lớp học, nhà trường... Ở mỗi phương thức có những ưu điểm và hạn chế nhất định. Và việc lựa chọn phương thức tổ chức phụ thuộc vào nội dung, vào điều kiện cụ thể. Để tìm hiểu về vấn đề này ở các trường Tiểu học trên địa bàn huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, tác giả đã thực hiện phiếu khảo sát và thu được kết quả ở bảng 3.

Bảng 3. Đánh giá thực trạng phương thức GDMT thông qua HĐTN cho HS

TT	Phương thức GDMT thông qua HĐTN	Mức độ đánh giá		
		ĐTB	ĐLC	TB
1	Tổ chức nói chuyện chuyên đề về GDMT	2.33	0.51	5
2	Tổ chức các trò chơi mang tính GDMT	2.01	0.60	8
3	Tổ chức các buổi lao động vệ sinh môi trường	2.57	0.48	1
4	Tổ chức cho HS trồng cây xanh quanh khu vực trường	2.51	0.51	2
5	Tổ chức cho HS thu gom rác thải	2.43	0.52	3
6	Triển lãm tranh, ảnh, các tài liệu, mô hình về môi trường và BVMT	2.20	0.61	6
7	Tổ chức cho HS đi tham quan	2.15	0.62	7
8	Tổ chức các cuộc thi, viết, vẽ, tìm hiểu môi trường địa phương	2.37	0.52	4
9	Sinh hoạt câu lạc bộ môi trường	1.98	0.52	9

Chú thích: ĐTB: Điểm trung bình, $1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$; ĐLC: Độ lệch chuẩn; TB: Thứ bậc

Kết quả thống kê ở bảng số liệu 3 cho thấy, trong 9 tiêu chí thể hiện phương thức tổ chức GDMT thông qua HĐTN cho HS ở trường Tiểu học được CBQL, GV đánh giá mức độ thực hiện với ĐTB từ 1.98 đến 2.57, ứng với mức độ “ít thực hiện” đến “thỉnh thoảng thực hiện”.

Hai phương thức được đánh giá thực hiện ở mức độ “thỉnh thoảng” là: “Tổ chức các buổi lao động vệ sinh MT” (ĐTB = 2.57, xếp thứ bậc 1) và “Tổ chức cho HS trồng cây xanh quanh khu vực trường” (ĐTB = 2.51, xếp thứ bậc 2). Sở dĩ, 2 phương thức này thường xuyên được lựa chọn sử dụng vì công việc dọn dẹp vệ sinh xung quanh trường lớp vừa đảm bảo HS được tiếp cận với môi trường tự nhiên, vừa làm sạch sẽ vệ sinh trường lớp, tránh muỗi và làm đẹp khuôn viên. Ngoài ra, việc “Tổ chức các buổi lao động vệ sinh môi trường” phù hợp với điều kiện sức khỏe và tâm lí HS tiểu học, kích thích cơ quan hoạt động và phù hợp với điều kiện vật chất và nhân lực nhà trường.

Các phương thức được CBQL, GV đánh giá với mức độ “ít thực hiện”: “Tổ chức cho HS thu gom rác thải”; “Tổ chức các cuộc thi, viết, vẽ, tìm hiểu môi trường địa phương”; “Tổ chức nói chuyện chuyên đề về GDMT”; “Triển lãm tranh, ảnh, các tài liệu, mô hình về môi trường và BVMT”; “Tổ chức cho HS đi tham quan”; “Tổ chức các trò chơi mang tính GDMT” và “Sinh hoạt câu lạc bộ môi trường”. ĐTB đánh giá của CBQL, GV cho các phương thức này từ 1.98 đến 2.43, trong đó phương thức “Sinh hoạt câu lạc bộ môi trường” có ĐTB thấp nhất. Qua trao đổi, phỏng vấn thầy H.V.H, Tổng phụ trách Đội cho rằng: “*Phương thức GDMT được nhà trường lựa chọn linh hoạt phù hợp với từng hoạt động GDMT cụ thể. Song, do điều kiện về diện tích, về kinh phí, nên nhà trường chưa tổ chức được nhiều HĐTN*”.

Qua nghiên cứu kế hoạch HĐTN của trường Tiểu học Điền An và Điền Hương, chúng tôi thấy cả 2 trường đều có kế hoạch dã ngoại, song chủ yếu cho các em tham quan các di tích lịch sử, ít chú trọng đến mục tiêu GDMT. Kế hoạch hoạt động Đội của nhà trường thì có một buổi tuyên truyền dưới trường (tổ chức dạng chuyên đề) hoạt động GDMT cho HS toàn trường. Nhà trường có tổ chức các chuyên đề GDMT cho HS, tổ chức GDMT thông qua tham quan, dã ngoại được thực hiện mỗi học kì 1 lần với sự tham gia của HS theo từng khối lớp. Song, việc tổ chức lồng ghép GDMT thông qua các hoạt động văn thể mỹ, lao động, hoạt động xã hội... do nhà trường tổ chức được thực hiện hằng tháng nhưng chưa thể hiện rõ nội dung và mục tiêu GDMT. Điều này một lần nữa khẳng định hoạt động GDMT thông qua HĐTN cho HS ở các trường Tiểu học huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế chưa được đề cao và chưa trở thành nội dung bắt buộc trong chương trình dạy học, giáo dục toàn diện của nhà trường.

3.4. Thực trạng sự phối hợp các lực lượng trong giáo dục môi trường thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường Tiểu học

Bảng 4. Đánh giá thực trạng phối hợp các lực lượng trong GDMT thông qua HĐTN cho HS

TT	Phối hợp các lực lượng trong GDMT thông qua HĐTN cho HS	Mức độ đánh giá		
		ĐTB	ĐLC	TB
1	Phối hợp giữa GVCN với các lực lượng giáo dục khác: GV bộ môn, CBQL.	2.55	0.50	2
2	Phối hợp GVCN với cán bộ Đội.	2.61	0.62	1
3	Phối hợp, tham gia của cha mẹ HS trong việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm.	2.47	0.48	3
4	Phối hợp của Nhà trường với chính quyền địa phương trong việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm để GDMT	2.39	0.53	4
5	Phối hợp của Nhà trường với các tổ chức, cá nhân xã hội, trong việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm để GDMT	2.29	0.51	5

Chú thích: ĐTB: Điểm trung bình, $1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$; ĐLC: Độ lệch chuẩn; TB: Thứ bậc

Hoạt động GDMT thông qua HĐTĐ cần có sự kết hợp chặt chẽ giữa các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường. Việc phối hợp các lực lượng giáo dục đóng vai trò hết sức quan trọng để thực hiện được mục tiêu GDMT thông qua HĐTĐ cho HS. Để đo lường mức độ phối hợp giữa các lực lượng trong GDMT thông qua HĐTĐ cho HS ở các trường Tiểu học trên địa bàn huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, kết quả thu được thể hiện ở bảng 4.

Kết quả thống kê từ bảng số liệu 4 có thể nhận thấy, các trường Tiểu học trên địa bàn huyện Phong Điền đã có sự phối hợp giữa các lực lượng trong GDMT thông qua HĐTĐ cho HS. Trong đó, sự “phối hợp giữa GVCN và cán bộ Đội” được thực hiện nhiều nhất (ĐTB = 2.61, xếp thứ bậc 1). Tiếp theo đó là sự “phối hợp giữa GVCN và GV bộ môn và cấp CBQL” (ĐTB = 2.55, xếp thứ bậc 2). Như vậy, lực lượng phối hợp chủ yếu nhất trong GDMT thông qua HĐTĐ cho HS vẫn là các lực lượng trong nhà trường, trong đó GVCN, GVBM là những lực lượng nòng cốt.

Phối hợp với “Phụ huynh HS”, “chính quyền địa phương” và “các tổ chức xã hội” trong GDMT thông qua HĐTĐ cho HS được các nhà trường Tiểu học trên địa bàn nghiên cứu ít quan tâm thực hiện (ĐTB đánh giá cho các tiêu chí này từ 2.29 đến 2.47). Khẳng định thêm cho kết quả này, cô L.T.M.L, GV trường Tiểu học Điền An cho biết: “việc phối hợp với các lực lượng ngoài nhà trường chỉ mang tính chất thời vụ, không mang tính thường xuyên, liên tục. Nhà trường chỉ chú trọng, quan tâm đến nguồn nhân lực tại chỗ trong GDMT cho HS, mặt khác do GDMT là hoạt động không mang tính bắt buộc trong nhà trường nên ít quan tâm, chú ý kêu gọi sự hỗ trợ, phối hợp của các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường”.

Tóm lại, mức độ phối hợp giữa các lực lượng trong GDMT thông qua HĐTĐ cho HS phụ thuộc vào điều kiện thời gian và công việc của mỗi lực lượng. Sự phối hợp các lực lượng ngoài nhà trường trong GDMT thông qua HĐTĐ cho HS chưa chặt chẽ. Điều này đòi hỏi các nhà trường cần có các biện pháp mạnh mẽ, cụ thể, rõ ràng để huy động tối đa các lực lượng tích cực tham gia. Triển khai các biện pháp cần có tính hệ thống, phân công trách nhiệm rõ ràng để các lực lượng có tinh thần, trách nhiệm hơn nữa trong hoạt động GDMT cho HS.

3.5. Thực trạng về việc đánh giá kết quả tổ chức giáo dục môi trường thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường Tiểu học

Bảng 5. Đánh giá thực trạng đánh giá kết quả tổ chức GDMT thông qua HĐTĐ cho HS

TT	Đánh giá kết quả GDMT thông qua HĐTĐ cho HS	Mức độ đánh giá		
		ĐTB	ĐLC	TB
1	Đánh giá được thực hiện kịp thời sau mỗi hoạt động.	2.70	0.50	1
2	Thang đánh giá rõ ràng.	2.44	0.62	6
3	Kết quả đánh giá phản ánh được chính xác sự phát triển phẩm chất và năng lực của HS sau mỗi HĐTĐ.	2.51	0.48	2
4	Đánh giá được kết hợp giữa đánh giá của GV, của HS và của cha mẹ HS, của cộng đồng.	2.50	0.53	3
5	Kết quả đánh giá được sử dụng để định hướng HS tiếp tục rèn luyện bản thân.	2.49	0.51	4
6	Kết quả đánh giá được sử dụng để cán bộ quản lý và GV điều chỉnh chương trình phù hợp.	2.45	0.51	5

Chú thích: ĐTB: Điểm trung bình, $1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$; ĐLC: Độ lệch chuẩn; TB: Thứ bậc

Để GDMT thông qua HĐTĐ được thực hiện nghiêm túc và hiệu quả, ngoài việc vận dụng linh hoạt nhiều phương thức và sự phối hợp các lực lượng thì cần có công tác kiểm tra, đánh giá và

rút ra được những kết quả đạt được trong quá trình thực hiện. Từ đó tạo động lực thúc đẩy thực hiện tốt hơn nữa quá trình thực hiện GDMT thông qua HĐTN cho HS. Tác giả thực hiện khảo sát về thực trạng đánh giá kết quả tổ chức GDMT thông qua HĐTN cho HS ở các trường Tiểu học huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, kết quả thu được thống kê ở bảng số liệu 5.

Số liệu từ bảng 5 cho thấy, các nhà trường đã quan tâm đến công tác đánh giá kết quả tổ chức hoạt động GDMT cho HS. ĐTB đánh giá của CBQL, GV qua các tiêu chí khảo sát từ 2.44 đến 2.70.

Nhóm các tiêu chí được CBQL, GV đánh giá với ĐTB cao hơn cả gồm: “Đánh giá được thực hiện kịp thời sau mỗi hoạt động” (ĐTB = 2.70; xếp thứ bậc 1); “Kết quả đánh giá phản ánh được chính xác sự phát triển phẩm chất và năng lực của HS sau mỗi HĐTN” (ĐTB = 2.51, xếp thứ bậc 2) và “Đánh giá được kết hợp giữa đánh giá của GV, của HS và của cha mẹ HS, của cộng đồng” (ĐTB = 2.50, xếp thứ bậc 3). Qua quan sát, các nhà trường đã xây dựng được quy trình đánh giá chi tiết, trong đó, các lực lượng phối hợp cùng GV xây dựng rubric đánh giá cho từng hoạt động lớn và các hoạt động học tập nhỏ. Sau mỗi HĐTN, nhà trường đều thu thập ý kiến tự đánh giá của HS và cha mẹ HS. Từ kết quả đánh giá, nhà trường xây dựng nội dung định hướng HS tiếp tục rèn luyện với sự phối hợp hướng dẫn của cha mẹ HS.

Nhóm các tiêu chí chưa được CBQL, GV đánh giá cao là “Kết quả đánh giá được sử dụng để định hướng HS tiếp tục rèn luyện bản thân” (ĐTB = 2.49, xếp thứ bậc 4); “Kết quả đánh giá được sử dụng để cán bộ quản lý và GV điều chỉnh chương trình phù hợp” (ĐTB = 2.45, xếp thứ bậc 5) và “Thang đánh giá rõ ràng” (ĐTB = 2.44, xếp thứ bậc 6). Kết quả phỏng vấn sâu khá thống nhất với số liệu thu được từ phương pháp điều tra: “GV có quan tâm đến việc kiểm tra, đánh giá kết quả tham gia GDMT thông qua HĐTN cho HS tại nhà trường. Việc kiểm tra, đánh giá được thực hiện khách quan, công bằng và mang tính chất động viên là chính. GVCN dựa vào kết quả này làm cơ sở để nhận xét về phẩm chất của HS”.

Nhìn chung, các trường Tiểu học trên địa bàn huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế đã quan tâm đến công tác đánh giá kết quả GDMT thông qua HĐTN cho HS. Song để nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác này, các nhà trường cần chú trọng đến xây dựng “thang đánh giá”, khi có tiêu chí đánh giá rõ ràng sẽ giúp cho việc đánh giá khách quan và đồng bộ giữa các trường.

3.6. Thực trạng các điều kiện tổ chức giáo dục môi trường thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường Tiểu học

Bảng 6. Đánh giá thực trạng các điều kiện tổ chức GDMT thông qua HĐTN cho HS

TT	Các điều kiện tổ chức GDMT thông qua HĐTN cho HS	Mức độ đánh giá		
		ĐTB	ĐLC	TB
1	Bố trí thời lượng cho HĐTN trong GDMT phù hợp.	2.37	0.52	4
2	Nhà trường có nối mạng Internet, trang bị máy tính, màn hình và đầu chiếu hỗ trợ cho hoạt động GDMT.	2.53	0.64	1
3	Đồ dùng để phục vụ hoạt động tập thể (loa đài, ampli; bộ lều trại)	2.49	0.71	2
4	Đồ dùng để thực hành (tranh ảnh, vật liệu,...)	2.40	0.57	3
5	Đồ dùng trình diễn, hướng dẫn (video clip về các nội dung GDMT, dụng cụ lao động phù hợp với hoạt động)	2.28	0.60	5

Chú thích: ĐTB: Điểm trung bình, $1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$; ĐLC: Độ lệch chuẩn; TB: Thứ bậc

Kết quả khảo sát mức độ đáp ứng của các điều kiện đảm bảo thực hiện công tác GDMT thông qua HĐTN cho HS tại các trường Tiểu học huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế được CBQL,

GV đánh giá thông qua bảng số liệu 6.

Để công tác GDMT thông qua HĐTĐ cho HS trong nhà trường đem lại hiệu quả cần có các điều kiện đảm bảo. Trong 5 tiêu chí được khảo sát, chỉ có tiêu chí “Nhà trường có nối mạng Internet, trang bị máy tính, màn hình và đầu chiếu hỗ trợ cho hoạt động GDMT” được CBQL, GV đánh giá “khá tốt” (ĐTB = 2.53, xếp thứ bậc 1). Các nội dung điều kiện còn lại được đánh giá ở mức “chưa tốt”, bao gồm: “Đồ dùng để phục vụ hoạt động tập thể (loa đài, ampli; bộ lều trại); “Đồ dùng để thực hành (tranh ảnh, vật liệu,...)”; “Bố trí thời lượng cho HĐTĐ trong GDMT phù hợp” và “Đồ dùng để trình diễn, hướng dẫn (video clip về các nội dung GDMT, dụng cụ lao động phù hợp với hoạt động)”.

Qua phỏng vấn, một số GV đều cho rằng: “các điều kiện hỗ trợ cho GDMT thông qua HĐTĐ cho HS hiện nay rất hạn chế, GV chủ yếu sử dụng trang thiết bị hiện có trong nhà trường. Song các trang thiết bị, nhất là tài liệu về GDMT chính thống, GDMT địa phương gần như không có, chủ yếu GV tự tìm tòi nên có phần khó khăn vì GV vẫn tập trung nhiều thời gian và công sức tìm tòi các tài liệu cho môn học văn hóa là chính. Việc làm đồ dùng dạy học cho nội dung GDMT gần như không thể do nhiều lý do khác nhau”.

Nhìn chung, các trường Tiểu học trên địa bàn nghiên cứu đã có sự chú ý đến các điều kiện như Internet, tivi, loa máy,... để hỗ trợ GDMT thông qua HĐTĐ cho HS nhưng vẫn còn khiêm tốn. Do đó, để nâng cao hiệu quả công tác này, CBQL nhà trường cần có những biện pháp để tăng nguồn kinh phí cho hoạt động, đảm bảo lợi ích cho cán bộ chuyên trách, GV trực tiếp tham gia vào công tác GDMT thông qua HĐTĐ cho HS.

4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy, hầu hết CBQL và đội ngũ GV đều có nhận thức đúng đắn về vai trò của GDMT thông qua HĐTĐ cho HS ở trường Tiểu học. Hoạt động GDMT cho HS tại các trường Tiểu học được triển khai và thực hiện bám sát theo Bộ tài liệu hướng dẫn về giáo dục BVMT năm 2008 của Bộ GD&ĐT. Đội ngũ GV đã xác định được mục tiêu GDMT, nội dung GDMT thông qua thông qua HĐTĐ, từ đó, có sự lựa chọn phương thức thích hợp. Bên cạnh những kết quả đạt được, GDMT thông qua HĐTĐ cho HS ở trường Tiểu học huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế cũng còn một số hạn chế như: CBQL và đội ngũ GV chưa quan tâm đúng mức đến GDMT thông qua HĐTĐ cho HS; chưa cập nhật nội dung GDMT đảm bảo tính mới, tính thời sự; phương thức tổ chức GDMT chủ yếu qua các môn học, chưa quan tâm GDMT qua HĐTĐ. Thực trạng này cho thấy cần thiết phải tìm ra các biện pháp phù hợp, mang tính khả thi để nâng cao hơn nữa hiệu quả tổ chức GDMT thông qua HĐTĐ cho HS ở các trường Tiểu học trên địa bàn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005). *Chỉ thị số 02/2005/CT-BGDĐT ngày 31/1/2005 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc tăng cường công tác giáo dục BVMT*, Hà Nội.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2009). *Chỉ thị 29-CT/TW ngày 21/1/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng cũng là về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 41-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) về “BVMT trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”*, Hà Nội.
- [3] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XI (2005). *Luật BVMT*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Title: THE CURRENT STATUS OF ORGANIZATION OF ENVIRONMENTAL EDUCATION THROUGH EXPERIENTIAL ACTIVITIES FOR STUDENTS IN ELEMENTARY SCHOOLS IN PHONG DIEN DISTRICT, THUA THIEN HUE PROVINCE

Abstract: This article presents the current status of environmental education through experiential activities for students in primary schools in Phong Dien district, Thua Thien Hue province. Research results show that environmental education through experiential activities has achieved certain results. However, there are still limitations and inadequacies such as follows: the content was not close to the local environmental education practice; the method of environmental education through experiential activities has not been effective; test and evaluation criteria have not yet been established; the allocation of resources for environmental education through voluntary activities is still limited.

Keywords: Environmental education; experiential activities; student; primary school.